

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG LÀO CAI

(GLC)

(Giấy chứng nhận kinh doanh số 5300238161 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 18/09/2007, công ty đã thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 9 ngày 04/4/2019)

Địa chỉ Công ty : Bản 3, Minh Hạ, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai

Số điện thoại : 0214.3835565

Số fax : 0214.3835565

Website : <http://vanglaocai.com.vn>

Lào Cai, tháng 4 năm 2020



NỘI DUNG

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG LÀO CAI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : Giấy chứng nhận kinh doanh số 5300238161 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 18/09/2007, công ty đã thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 9 ngày 04/4/2019.
- Vốn điều lệ : 105.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 105.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : Bản 3, Minh Hạ, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai
- Số điện thoại : 0214.3835565
- Số fax : 0214.3835565
- Website : <http://vanglaocai.com.vn>
- Mã chứng khoán : GLC

Quá trình hình thành và phát triển:

Ngày 18/09/2007, Công ty Cổ phần vàng Lào Cai (VLC) được thành lập tại Bản 3, Minh Hạ, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Số vốn điều lệ ban đầu của VLC là 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng), trên cơ sở 05 (năm) cổ đông tham gia góp vốn ban đầu là: Tổng công ty khoáng sản - Vinacomin (nay là Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP) (33%); Công ty TNHH Nhà nước một thành viên khoáng sản 3 (nay là Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico) (27%); Công ty Khoáng sản Lào Cai (15%); Công ty TNHH Thái Nguyên (15%) và Công ty Đông Bắc (10%).

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300238161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 04 tháng 4 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 105.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm lẻ năm tỷ đồng).

Kể từ khi thành lập đến nay, chức năng nhiệm vụ chủ yếu của VLC là thực hiện Dự án đầu tư Khai thác và Tuyển quặng vàng gốc mỏ vàng Minh Lương, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Sản phẩm của dự án là tinh quặng vàng hàm

lượng (quy đổi) 82 gam Au/tấn: Sản lượng thiết kế (max) 7.450 tấn/năm, tương đương với sản lượng khai thác khoảng 100.000 tấn quặng nguyên khai/năm, khai thác bằng phương pháp hầm lò; tuyển thu hồi tinh quặng vàng bằng phương pháp tuyển trọng lực kết hợp tuyển nổi; Sản lượng Tinh quặng vàng quy đổi ra vàng kim loại (sản lượng cao nhất được phép) là 500 kg vàng kim loại/năm.

- Giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán số 90/2018/GCNCP-VSD ngày 24/10/2018 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.

Ngày 21/12/2018, Công ty Cổ phần vàng Lào Cai được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu theo Quyết định số 814/QĐ-SGDHN.

Ngày 21/01/2019, Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 có Thông báo số 29/TB-KS3 về việc chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai (*CT Vàng Lào Cai*), cùng hàng loạt các cổ đông lớn khác tại CT Vàng Lào Cai cũng có thông báo chuyển nhượng cổ phần. Tháng 3/2019, sau khi hoàn tất mọi thủ tục chuyển nhượng, nhà đầu tư mới chúng tôi là Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình đã tiến hành những công việc cần thiết cho việc tiếp quản lại CT Vàng Lào Cai.

Ngày 04/4/2019, Hội đồng cổ đông CT Vàng Lào Cai đã tiến hành tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019, thống nhất thông qua việc: Sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty; Quy chế quản trị nội bộ; Báo cáo HĐQT về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính 2018 và phương hướng hoạt động trong năm 2019; Báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019 của BKS; BCTC kiểm toán năm 2018; Mức chi trả thù lao cho HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2018 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2019; Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019; Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Phạm Hồng Thịnh; Phê chuẩn bà Đoàn Thị Yến Châu là Thành viên HĐQT và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT theo Quyết định số 10/2019/QĐ-HĐQT ngày 25/02/2019 và 12/2019/QĐ-HĐQT ngày 26/02/2019 của HĐQT; Miễn nhiệm toàn bộ Thành viên Ban kiểm soát và thực hiện bầu lại tại kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2019; Thông qua số lượng Thành viên HĐQT và BKS được bầu trong kỳ ĐHĐCĐ 2019 gồm 02 thành viên HĐQT và 03 thành viên BKS; Thống nhất bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017 – 2022;

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

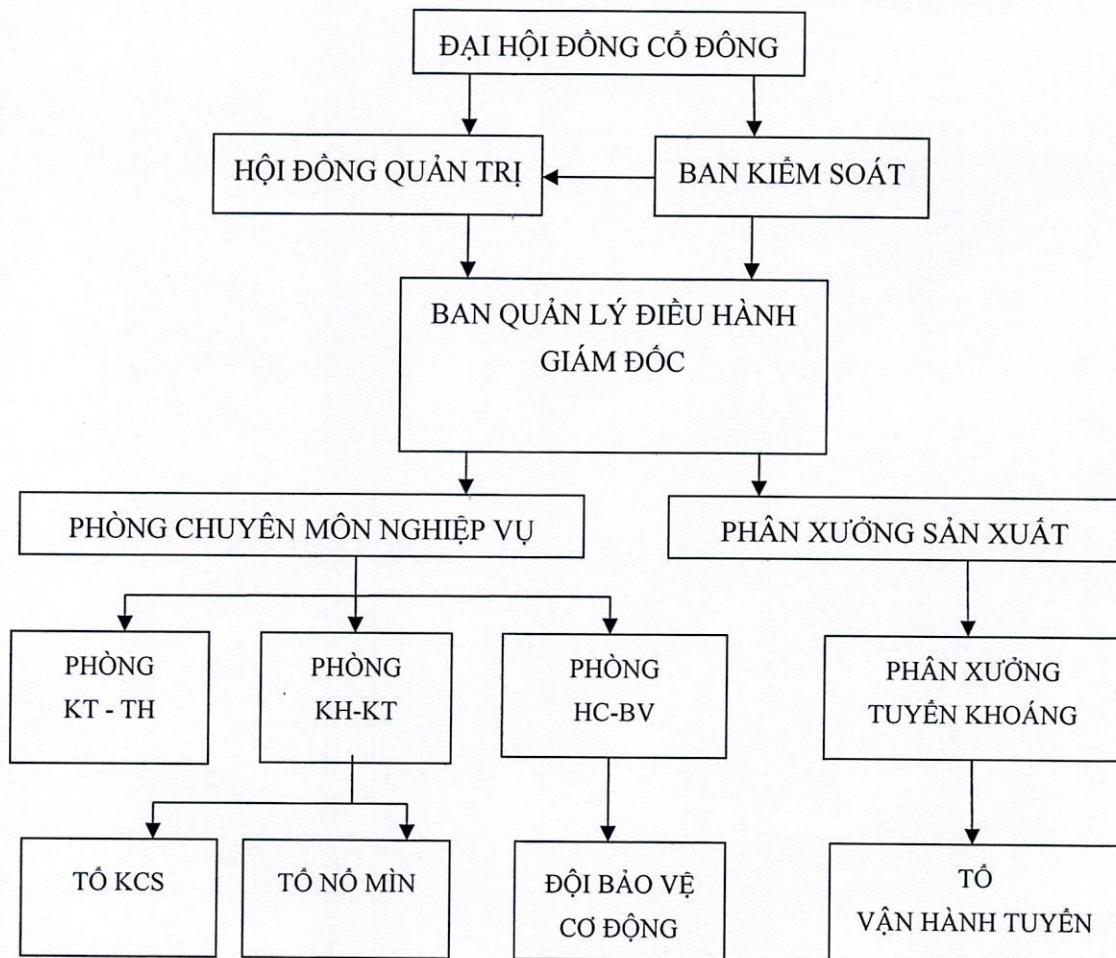
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, tuyển quặng vàng gốc	

Địa bàn kinh doanh: xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị:

Sơ đồ 1: Cơ cấu quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần vàng Lào Cai)

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

* Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc

biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát của Công ty.

*** Hội đồng quản trị**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

*** Ban kiểm soát**

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của VLC; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

*** Ban Quản lý điều hành (Ban Giám đốc): Gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty**

- Giám đốc: Điều hành chung mọi hoạt động của VLC; chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất kinh doanh trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch, phương án tổ chức sản xuất kinh doanh và triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch, phương án đó sau khi đã được HĐQT phê chuẩn; trực tiếp phụ trách các lĩnh vực: Kinh doanh, tài chính, kế hoạch, vật tư, tổ chức nhân sự.

- Các Phó Giám đốc: Phụ trách các lĩnh vực về điều hành mở, kỹ thuật, kế hoạch, sản xuất, an toàn vệ sinh lao động, an toàn môi trường, PCCC,... và thay mặt Giám đốc điều hành Công ty khi Giám đốc đi vắng.

- Kế toán trưởng: Phụ trách lĩnh vực nghiệp vụ Tài chính, kế toán, thống kê, tiền lương, BHXH và các chế độ chính sách liên quan đến người lao động.

- Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ:

+) Phòng Kế hoạch kỹ thuật: Lập kế hoạch kỹ thuật, Kế hoạch sản xuất kinh doanh, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh,... trực tiếp quản lý điều hành hoạt động của Tổ KCS, Tổ nổ mìn.

+) Phòng Kế toán tổng hợp: Lập báo cáo tài chính quý, năm, kê khai, quyết toán các loại thuế, tổ chức thực hiện các nghiệp vụ tài chính, kế toán, thống kê, công tác

tiền lương, BHXH, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực được phân công.

+) Phòng Hành chính – Bảo vệ: Tham mưu cho Ban quản lý điều hành Công ty trong công tác tổ chức nhân sự, hành chính, văn phòng, văn thư, khánh tiết; trực tiếp quản lý điều hành hoạt động của đội bảo vệ cơ động của Công ty.

- Các Phân xưởng, Tổ đội sản xuất:

+) Phân xưởng tuyển khoáng: Trực tiếp quản lý máy móc thiết bị, nhà xưởng tuyển quặng, tổ chức tuyển quặng nguyên khai sản xuất tinh quặng vàng, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực được phân công.

+) Tổ nổ mìn (trực thuộc Phòng Kế hoạch kỹ thuật): Trực tiếp làm công tác nổ mìn phục vụ khai thác quặng nguyên khai, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực được phân công.

+) Tổ KCS (trực thuộc Phòng Kế hoạch kỹ thuật): Trực tiếp lấy, gia công và phân tích xác định hàm lượng mẫu quặng nguyên khai, tinh quặng vàng, đuôi thải sau tuyển; tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực được phân công.

+) Đội bảo vệ cơ động: Trực tiếp tuần tra, bảo vệ đảm bảo an toàn tuyệt đối an ninh trật tự trong phạm vi toàn Công ty, các khu vực sản xuất, toàn bộ diện tích mỏ và khu vực vùng đệm được giao quản lý, tham mưu lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực được phân công..

4. Định hướng phát triển

a) Vị thế của công ty trong ngành:

Công ty cổ phần vàng Lào Cai là một trong những Công ty chuyên sản xuất tinh quặng vàng của Việt Nam với trữ lượng địa chất: 92.670 tấn quặng vàng; trữ lượng khai thác: 89.702 tấn quặng vàng; công suất khai thác được cấp phép: Năm 2016: 22.000 tấn quặng vàng, năm 2017 - 2018: 28.000 tấn quặng vàng/năm, năm 2019: 11.702 tấn quặng vàng, thời hạn Giấy phép khai thác đến 26 tháng 4 năm 2019.

VLC nằm trên địa bàn được đánh giá có tiềm năng rất lớn về tài nguyên vàng gốc khu vực Tây Bắc Việt Nam. Theo định hướng phát triển, VLC nhiều khả năng sẽ được mở rộng quyền khai thác mỏ theo cả hai hướng sau:

- Được khai thác khu vực mỏ hiện có với chiều sâu khai thác thêm 100m so với giấy phép hiện hành.

- Được mở rộng phạm vi khai thác thêm hơn 120 ha (phạm vi mở rộng thuộc khu vực vùng đệm bảo vệ TNKS và chống “vàng tặc” Công ty đang quản lý).

Với các chính sách ưu đãi của địa phương cũng như tiềm năng phát triển lâu dài của Công ty, Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai có sở để ngày càng mở rộng và tạo được thương hiệu uy tín trên thị trường so với các doanh nghiệp cùng ngành.

b) Triển vọng phát triển của ngành:

– Kết quả điều tra địa chất cho thấy Việt Nam đã phát hiện ra nhiều mỏ quặng chì kẽm, vàng có giá trị và phân bố rải rác ở nhiều nơi. Các loại như quặng chì kẽm, quặng đồng, quặng thiếc, quặng nhôm tập trung nhiều ở Tây Ninh, Lâm Đồng, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai,... riêng quặng kim loại quý như vàng đã được điều tra phát hiện ở nhiều vùng trên cả nước và một vài mỏ đã được đưa vào khai thác. Như vậy, trữ lượng và các loại khoáng sản kim loại của Việt Nam là khá phong phú. Những năm gần đây, sản lượng khai thác và xuất khẩu một số loại khoáng sản tăng mạnh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của một số địa phương và cả nước. Khai thác khoáng sản nói chung và khoáng sản kim loại quý hiếm nói riêng luôn có tiềm năng đem lại cho doanh nghiệp những nguồn lợi đáng kể. Do vậy, hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp có năng lực tài chính và sản xuất đang tập trung vào việc xin cấp phép thăm dò và khai thác khoáng sản. Khoáng sản kim loại nói chung và khoáng sản vàng nói riêng luôn được đánh giá là nguồn tài nguyên quý hiếm và có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế. Các chuyên gia kinh tế đều nhận định rằng ngành khai thác khoáng sản sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian sắp tới.

5. Các rủi ro

5.1 Rủi ro cơ bản

Tình hình địa chất có sự biến động khá mạnh, hầu hết các thân quặng 10A, 10B, 9B, 8B, 8A1, 8A2 đã và đang khai thác đều mỏng, có sự biến động teo thắt, đứt quãng, xô dịch, nhảy cách, có sự sai lệch khá lớn so với tài liệu địa chất. Do vậy, thực tế quá trình sản xuất luôn phải điều chỉnh tương ứng theo thực tế địa chất và phù hợp với điều kiện sản xuất. Công tác kế hoạch kỹ thuật, biện pháp thi công được xây dựng từ đầu năm trên cơ sở tài liệu địa chất gần như chỉ mang tính định hướng, tham khảo và phải điều chỉnh liên tục trong quá trình điều hành sản xuất.

Các thân quặng tại mỏ vàng Minh Lương đều mỏng, trữ lượng không lớn và nằm phân tán ở bốn khu vực đồi cách xa nhau từ 1 ÷ 5 km. Do vậy, để đảm bảo quản lý tốt sản phẩm quặng nguyên khai sau khai thác và tiết kiệm vốn đầu tư khai thông mở vỉa nên Công ty phải tổ chức khai thác theo hình thức cuốn chiếu từng khu vực không

triển khai khai thác ô ạt đồng loạt toàn bộ các thân quặng trong mỏ; Mặt khác, tại các thân quặng đang khai thác, phần tài nguyên nằm trong giới hạn chiều sâu được cấp phép (cos +505 trở lên) đã gần hết (để khai xuống sâu bên dưới mức cấp phép thì phải thăm dò nâng cấp trữ lượng) trong khi đó quá trình thực hiện khai thông mở vỉa khai thác thân quặng 7 (bãi 3) là thân quặng được nhận định là có hàm lượng, trữ lượng vàng tốt nhất mỏ bị chậm tiến độ do khó khăn trong giải phóng mặt bằng (đến quý III/2017 mới hoàn thành công tác BTGPMB và triển khai đào lò chuẩn bị sản xuất) và điều kiện thi công khó khăn phức tạp (nhiều nước gây sập sạt lò) nên dự kiến đến quý IV/năm 2018 mới có thể bắt đầu khai thác được quặng nguyên khai tại thân quặng này. Từ những nguyên nhân đó dẫn tới sản lượng khai thác trong thời gian vừa qua chưa thể đạt được công suất thiết kế (hiện mới chỉ đạt trên 40% công suất thiết kế GD 1).

Vòng đời dự án ngắn, thời gian đầu tư kéo dài, sản lượng khai thác mới chỉ đạt được khoảng trên 40% công suất thiết kế giai đoạn 1, dẫn đến chi phí khấu hao, chi phí trước hoạt động, chi phí lãi vay,... những năm đầu đưa dự án vào hoạt động chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nên kết quả sản xuất kinh doanh lợi nhuận đạt được chưa cao dẫn tới khó khăn về tài chính, các khoản trả nợ đến hạn, các nộp thuế, bị chậm dẫn đến phát sinh thêm lãi chậm nộp, phạt chậm nộp làm tăng thêm chi phí. Hoạt động bị gián đoạn do việc thay đổi lớn trong bộ máy tổ chức cùng với việc những giấy tờ pháp lý quan trọng đang trong thời gian hết hạn.

Chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực khai thác khoáng sản (thuế, phí,...) không ổn định, có xu hướng ngày càng tăng cao. Do vậy, tổng các loại thuế, phí đối với khai thác quặng vàng được duy trì ở mức rất cao.

Trong quá trình tiếp quản lại Công ty, Nhà đầu tư chúng tôi đã nhanh chóng tiếp nhận hồ sơ tài liệu và các thủ tục pháp lý liên quan, tuy nhiên, từ khi tiếp nhận tới nay, chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn trong việc tái cấu trúc bộ máy quản lý, phối hợp lên phương án truy quét vàng tặc, xử lý hàng tồn kho và đồng thời phải dừng toàn bộ việc khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ vàng Minh Lương (*do hầu hết giấy tờ pháp lý đã và sắp hết hạn cần phải làm thủ tục xin gia hạn*). Cụ thể: Giấy chứng nhận đầu tư (GCNĐT số 12121000234 thay đổi lần thứ 3 ngày 30/5/2014) và giấy phép khai thác khoáng sản (GPKTKS số 2915/GP-BTNMT cấp ngày 19/12/2016 đến ngày 26/4/2019) đều đã hết hạn. Đặc biệt, sau khi TKV thoái vốn, hầu hết nhân sự cũ của công ty đã đồng loạt nghỉ việc dẫn đến việc Nhà đầu tư mới chúng tôi phải cơ cấu tổ

chức lại bộ máy hoạt động.

Bên cạnh đó các thân quặng tại mỏ Minh Lương nằm phân tán, địa hình cao, việc thi công các tuyến đường để vận chuyển quặng gặp khó khăn, chi phí vận chuyển lớn. Đa số các thân quặng đều có chiều dày mỏng nên công tác tổ chức khai thác gặp nhiều khó khăn, hệ số làm nghèo lớn, điều kiện địa chất tại một số thân quặng phức tạp, bên cạnh đó trong quá trình khai thác tại một số vị trí thân quặng lại gặp phải các lò khai thác trái phép trước đây (chủ yếu trên phần gần mặt địa hình) nên công tác quản lý kỹ thuật, quản lý chất lượng quặng nguyên khai khai thác, quản lý an toàn cũng gặp phải nhiều khó khăn.

Hiện nay, công tác bảo vệ tài nguyên, bảo vệ quặng sau khai thác của Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn do lực lượng bảo vệ còn hạn chế mặc dù đã được công ty tăng cường lực lượng hỗ trợ thêm nhưng do địa bàn mỏ trải rộng, bên cạnh đó tình hình an ninh trật tự diễn biến phức tạp, hiện tượng đào lò khai thác quặng trái phép trong khu vực vùng đệm diễn ra liên tục với số lượng, quy mô ngày càng tăng, các đối tượng vàng tặc ngày càng lỳ lợm, hung hãn, manh động, chống đối quyết liệt lực lượng bảo vệ Công ty trong công tác bảo vệ mỏ và khi Công ty tiến hành truy quét, truy đuổi (đặc biệt là khu vực vùng đệm Pú Mẹo). Công ty chúng tôi phải phối hợp với Công an, Chính quyền địa phương nhiều đợt cùng lên phương án tổ chức truy quét vàng tặc theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai nhưng tình trạng trên vẫn diễn ra hết sức phức tạp. Điều này gây nhiều tổn hại nghiêm trọng đến tài chính, hình ảnh của nhà đầu tư chúng tôi.

Do đặc điểm địa chất đất đá mềm yếu, đặc điểm tồn tại của các khối trữ lượng khoáng sản các thân quặng mỏng, teo thắt, đứt quãng, đường phương biến động liên tục xô dịch,... nên để đảm bảo hiệu quả kinh tế bắt buộc phải điều chỉnh tiết diện lò vận tải, lò dọc vỉa, buồng khâu quặng cho phù hợp. Do đó làm tăng cao nguy cơ mất an toàn như: Ngạt khí, rơi ngã khi đi lại, nổ mìn,... Do vậy, Công ty cũng phải tăng chi phí cho công tác đảm bảo an toàn sản xuất.

Tại mỏ khai thác tiên tiến để nâng cao công suất và chỉ có thể áp dụng công nghệ khoan nổ mìn kết hợp với vận chuyển thủ công để đảm bảo hiệu quả kinh tế. Vì vậy, Nhà đầu tư mới chúng tôi phải tập trung đầu tư nâng cấp lắp đặt, thay thế các trang thiết bị công nghệ mới để đảm bảo tận thu tối đa hàm lượng vàng, tránh tình trạng lãng phí nguồn tài nguyên Quốc gia.

Công ty đóng ở vùng xa, đường xá đi lại khó khăn, giá cả các loại nhu yếu phẩm phục vụ đời sống đắt đỏ, tình hình an ninh trật tự phức tạp, tệ nạn xã hội nhiều, trình độ dân trí chưa cao, nhận thức của người dân còn hạn chế, thích làm việc tự do, gây khó khăn trong công tác tuyển dụng, thu hút lao động đặc biệt là lao động có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, tay nghề trong công tác khai mỏ hầm lò. Do vậy, toàn bộ khâu khai thác quặng nguyên khai phải thuê ngoài, dẫn đến sự chủ động trong sản xuất bị hạn chế và gây khó khăn, tăng chi phí cho công tác bảo vệ sản phẩm sau khai thác.

▪ **Rủi ro về thời tiết:**

Đây là một rủi ro khá đặc thù của ngành khoáng sản, là đơn vị khai thác hầm lò, do đó mà những thay đổi về thời tiết sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác mỏ, độ an toàn và sản lượng khai thác của doanh nghiệp.

▪ **Rủi ro về môi trường:**

Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác có thể gây ảnh hưởng lớn đến môi trường, gây ra tiềm ẩn rủi ro cho Doanh nghiệp sẽ bị rơi vào những vụ tranh cãi pháp lý hay phản đối của người dân.

5.2 Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như rủi ro do hoá hoạn, thiên tai; rủi ro trong quá trình đấu thầu, đàm phán và ký kết hợp đồng,... những rủi ro này cũng có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Bảng số 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 - 2019

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm so với năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.000.085.987	11.251.774.650	-89,9%
Doanh thu thuần	111.000.085.987	11.251.774.650	-89,9%
Lợi nhuận gộp	29.547.856.119	446.892.399	-98,5%
Lợi nhuận thuần	18.341.839.183	(14.794.791.828)	-180,7%

Lợi nhuận khác	(1.319.976.094)	(820.498.356)	-37,8%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.021.863.089	(15.615.290.184)	-191,7%
Lợi nhuận sau thuế	17.021.863.089	(15.615.290.184)	-191,7%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 của Công ty)

- Cơ cấu doanh thu:

Bảng số 3: Cơ cấu doanh thu năm 2018 - 2019

Chỉ tiêu	Năm 2018 (đồng)	%/TDT	Năm 2019 (đồng)	%/TDT	% tăng giảm so với năm 2018
Doanh thu thuần từ HĐSXKD	111.000.085.987	99,7%	11.251.774.650	98,9%	-89,9%
- Doanh thu từ bán tinh quặng vàng	108.476.663.615	97,7%	11.170.304.663	98,21%	-89,7%
- Doanh thu dịch vụ	2.523.422.372	2,27%	81.469.987	0,72%	-96,8%
Doanh thu hoạt động tài chính	12.148.469	0,01%	2.674.379	0,02%	-78%
Thu nhập khác	290.011.000	0,26%	120.000.000	1,05%	-58,6%
Tổng doanh thu	111.302.245.456	100%	11.374.449.029	100%	-89,8%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 của Công ty)

Trong năm 2019, doanh thu thuần của Công ty đạt 11 tỷ đồng, giảm 90% so với năm 2018 và lợi nhuận sau thuế đạt (15 615) tỷ đồng. Doanh thu từ bán sản phẩm tinh quặng giảm nguyên nhân là do Công ty trong năm 2019 không khai thác.

Cơ cấu chi phí:

Bảng số 4: Cơ cấu chi phí năm 2018 – 2019

Chỉ tiêu	Năm 2018 (đồng)	%/TCP	Năm 2019 (đồng)	%/TCP
Giá vốn hàng bán	81.452.229.868	86,39%	10.804.882.251	40,03%
- <i>Tinh Quặng vàng</i>	78.864.897.001	83,65%	10.702.614.976	39,65%
- <i>Dịch vụ</i>	2587332867	2,74%	102.267.275	0,38%
Chi phí tài chính	613.205.131	0,65%		
Chi phí bán hàng		0,00%	9.000.000	0,03%
Chi phí QLDN	10.604.960.274	11,25%	15.235.358.606	56,45%
Chi phí khác	1.609.987.094	1,71%	940.498.356	3,48%
Tổng chi phí	94.280.382.367	100%	26.989.739.213	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần vàng Lào Cai)

1.2 Kết quả thực hiện so với kế hoạch năm 2019:

Bảng số 5: Kết quả thực hiện hoạt động SXKD so với kế hoạch

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %
I	Chỉ tiêu sản xuất				
1	Chỉ tiêu sản xuất				
	Khai thác quặng	Tấn	19.000	747.6	0.0039%
	- Hàm lượng vàng	gam/tấn	7.23	7.3	100%
	- Quy ra kim loại vàng	kg	137.4	5.46	3.9%
2	Quặng vào tuyển				
	QNK vào tuyển	Tấn	19.000	747.6	0.0039%
	- Hàm lượng vàng	gam/tấn	7.23	7.3	100%
	- Quy ra kim loại vàng		137.4	5.46	3.9%
3	Sản phẩm tinh quặng				
	Tinh quặng vàng	tấn	210.8	8.3	3.9%
	- Hàm lượng vàng	gam/tấn	615	6	1%
	- Quy ra Kim loại	kg	130	0.05	0.04%
4	Sản phẩm tiêu thụ				

	Tinh quặng vàng	tấn	214	8.3	3.88%
	- Hàm lượng vàng	gam/tấn	615	6	1%
	- Quy ra Kim loại	kg	132	0.05	0.04%
II	Chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng doanh thu	Trđ	106.250	11.374	10.70%
2	Lợi nhuận	Trđ	23.574	-15.615	-66.24%
3	Nộp ngân sách	Trđ	33.243	3.687	11.09%
4	Lao động BQ sử dụng	người	56	30	53.57%
5	Quỹ lương	Tỷđ	6.252	2.003	32.04%
6	Tiền lương bình quân	tr/ng/t	9.7	6.0	61.86%

(Nguồn: Công ty cổ phần vàng Lào Cai)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

Bảng số 6: Danh sách thành viên Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Thị Quế	Giám đốc
2	Nguyễn Tiến Đức	Phó Giám đốc
3	Hoàng Thị Lan Hương	Kế toán trưởng

– Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Điều hành:

Họ và tên	: HOÀNG THỊ QUẾ
- Số CMND	: 001184000364, cấp ngày 03/5/2017, Cơ quan cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Giới tính	: Nữ
- Ngày tháng năm sinh	: 18/11/1984
- Quốc tịch	: Việt Nam
- Dân tộc	: Kinh
- Địa chỉ thường trú	: 52 Nghi Tàm, Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại	: 52 Nghi Tàm, Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ tiếng trung – ĐHQG Hà Nội

- Chức vụ công tác hiện nay : Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật tại Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trợ lý Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Quá trình Công tác:

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2017 đến nay	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình (Địa chỉ: 455 Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội)	Trợ lý Tổng giám đốc
Từ 3/2019 đến nay	Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai (Địa chỉ: Bản 3, thôn Minh Hạ, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai)	Giám đốc

- Họ và tên** : **NGUYỄN TIẾN ĐỨC**
- Số CMND : 001092004371, ngày cấp: 05/12/2018, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 05/7/1992
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : Ngũ Thái, Thuận Thành, Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại : Ngũ Thái, Thuận Thành, Bắc Ninh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Họ và tên : HOÀNG THỊ LAN HƯƠNG

- Số CMND/CCCD : 012504371, ngày cấp: 25/11/2011 tại Công an Hà Nội.
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 14/4/1983
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Đại Mỗ, Tây Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại : Đại Mỗ, Tây Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Kế toán – Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
17/9/2018 - nay	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình	Nhân viên kế toán
3/2019 – nay	Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai	Kế toán trưởng

2.2 Những thay đổi ban điều hành:

Không có.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Bảng số 7: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2019

STT	Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ chuyên môn lao động	30	100
1	Trên đại học	0	0
2	Trình độ đại học và tương đương	1	3.33
3	Trình độ cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	1	3.33
4	Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp nghề, CNKT	28	93.34
II	Phân loại theo Hợp đồng lao động	27	100
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	3	11.11
2	Hợp đồng Lao động không xác định thời hạn	3	11.11
3	Hợp đồng Lao động thời hạn 1÷3 năm	2	7.41
4	Hợp đồng Lao động thời vụ	19	70.37

III	Phân loại theo giới tính	30	100
1	Lao động là Nam giới	26	86.67
2	Lao động là Nữ giới	4	13.33

(Nguồn: Công ty cổ phần vàng Lào Cai)

2.4 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:

Công ty thực hiện nghiêm túc và đầy đủ những quy định về an toàn và bảo hộ lao động. Với mục tiêu tránh không để xảy ra tai nạn lao động, Công ty nghiêm túc kiểm tra việc chấp hành, tuân thủ các quy tắc an toàn lao động. Hàng năm, người lao động trong Công ty được hướng dẫn kỹ về an toàn lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, và được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Công tác ký kết hợp đồng lao động và giải quyết thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với người lao động đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Lao động.

Bên cạnh đó, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng kịp thời đối với những cải tiến nâng cao năng suất lao động của các cá nhân trong tổ chức. Đồng thời cũng nghiêm khắc kỷ luật những cá nhân vi phạm các quy định của Công ty, gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh cũng như hình ảnh của Công ty.

* Mức lương bình quân:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
Quỹ lương	6.310.000.000	2.003.000.000
Lao động sử dụng bình quân (người)	60	30
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.760.000	6.000.000

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

TT	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
1	Dự án Thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng mỏ vàng gốc Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	-	85.454.545	85.454.545
Tổng		-	85.454.545	85.454.545

b) Công ty liên kết:

Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Bảng số 8: Tình hình tài chính của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2018 (VNĐ)	Năm 2019 (VNĐ)	% so với năm 2018
Tổng giá trị tài sản	97.333.973.634	62.291.058.031	64%
Doanh thu thuần	111.000.085.987	11.251.774.650	10%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18.341.839.183	(14.794.791.828)	-81%
Lợi nhuận khác	(1.319.976.094)	(820.498.356)	62%
Lợi nhuận trước thuế	17.021.863.089	(15.615.290.184)	-92%
Lợi nhuận sau thuế	17.021.863.089	(15.615.290.184)	-92%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 9: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (= Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Lần	0,70	0,01
Hệ số thanh toán nhanh [= (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,59	0,04
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Nợ/Tổng tài sản (D/A)	%	31	17
Nợ/Vốn chủ sở hữu (D/E)	%	45	21
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)			
Vòng quay hàng tồn kho (= Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bq)	Lần	23,27	11,31
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bq	Lần	1,14	0,18
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	15	-139
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bq (ROE)	%	25	-30
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq (ROA)	%	17	-25
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	15	-131

(Nguồn: BCTC năm 2018, năm 2019 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 10.500.000 cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.500.000 cổ phần.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 10: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2019

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	106	10.500.000	105.000.000.000	100
1.1	Tổ chức	0	0	0	0
1.2	Cá nhân	106	10.500.000	105.000.000.000	100
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
2.1	Tổ chức	0	0	0	0
2.2	Cá nhân	0	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng cộng	106	10.500.000	105.000.000.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần vàng Lào Cai)

Bảng số 11: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2019

TT	Tên Cổ đông	Số CMT/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ % Vốn điều lệ
1	Cao Trường Sơn	186462502	Xã Nghĩa Hội, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	2.445.000	23.29 %
2	Chu Quang Tú	019085000094	Thôn Vô Tranh, Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	2.400.000	22.86%
3	Phạm Anh Tuấn	011968451	Số 67, ngõ 109, Nguyễn Sơn, Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	2.195.000	20.09%
5	Uông Huy Giang	111461798	Quang Trung, Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	2.405.350	22.91%
Tổng				9.445.350	88,96%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần vàng Lào Cai)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để cung cấp các dịch vụ chính của Công ty trong năm

Bảng số 12: Lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng trong năm 2019

STT	Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng năm 2018	Số lượng sử dụng năm 2019
1	Bi nghiền D80	kg	9.778	895
2	Bi nghiền D100	kg	8.530	895
3	Butyl xantat Natri	kg	1.020	60
4	Soda công nghiệp	kg	10.650	600
5	Dầu thông	kg	2.000	80
6	Natri sunfua	kg	888	75
7	Thuốc nổ AD1 M32	kg	15.670,2	55.2
8	Kíp điện K8	Cái	62.907	150

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng chủ yếu là dầu diesel và điện năng. Trong đó tiêu thụ dầu diesel là: 2.695 lít và điện năng là: 167.929 KWh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Không có.

6.3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung cấp nước: chủ yếu là nước mặt.

Khối lượng nước sử dụng năm 2018: 8.764 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Khối lượng nước tái sử dụng: 7.887 m³, chiếm 90% lượng nước sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng lao động sử dụng bình quân: 30 người.

Mức lương trung bình đối với người lao động: 6.000.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên.

Về an toàn lao động: Phương tiện và công cụ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn cho người lao động. Đối với những công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại, người lao động đều được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng, phù hợp, đảm bảo an toàn.

Trong năm 2019, do các giấy phép khai thác đã hết hạn, công ty chủ yếu tập trung nguồn lực để bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên quốc gia nên việc đào tạo, huấn luyện người lao động về các nghiệp vụ, kỹ năng bảo vệ hết sức được chú trọng và phát triển.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2019, Công ty tham gia đầy đủ, tích cực vào các hoạt động phát triển cộng đồng do địa phương phát động.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Khó khăn

Khó khăn về tài nguyên

Tình hình điều kiện địa chất, trữ lượng địa chất các thân quặng đã khai thông mở vỉa và triển khai khai thác cho thấy có sự biến động rất lớn so với báo cáo địa chất, bao gồm cả sự biến động về khối trữ lượng (chiều dài, chiều rộng, chiều cao khối trữ lượng) và cả về hàm lượng kim loại. Hầu hết các thân quặng đều mỏng, teo thắt, đứt quãng, biến động liên tục, chiều dày chỉ đạt $0,2 \div 0,4$ m; toàn bộ khối lượng quặng nguyên khai thác năm 2018 chủ yếu được khai thác tại các khối trữ lượng 10B - 122, 8A2 - 122, 8B - 122; mặc dù, so với các khối trữ lượng đã được khai thông mở vỉa khai thác trong giai đoạn 2014 ÷ 2015 có sự ổn định hơn nhưng so với báo cáo địa chất thì vẫn có sự biến động sai lệch khá lớn; sau 02 năm (bắt đầu từ 2016) khai thác tại các khối trữ lượng này đến cuối năm 2018, đã xuống khá sâu, khối trữ lượng cấp 122 được cấp phép đã gần cạn kiệt; mặt khác, hàm lượng kim loại trong từng khối trữ lượng cũng có sự biến động chênh lệch khá lớn và phân bố không đồng đều, tại điểm này có hàm lượng khá cao nhưng chỉ vài mét trước hoặc sau đó hàm lượng kim loại lại tụt xuống rất thấp. Các đặc điểm nêu trên đã gây khó rất lớn cho việc duy trì ổn định và gia tăng sản lượng cũng như chất lượng quặng nguyên khai.

Quá trình triển khai khai thông mở vỉa để khai thác thân quặng 7 (bãi 3) bị chậm trễ do GPMB; khi hoàn thành công tác GPMB bước vào thi công lại gặp khó khăn lớn do hầu hết các khối quặng nằm trên cao (cos + 520 trở lên) đã bị vàng tặc khai thác hết trước khi thăm dò (trước 2006) nên phải triển khai đào xuống phần sâu nhưng khi đào lò thì gặp địa chất yếu, điều kiện thi công khó khăn phức tạp dẫn tới sập, sạt liên tục (giữa năm đã được 25m giếng và gần 60 m lò bằng nhưng đã bị sập toàn bộ phải dịch chuyển ra vị trí khác đào lại lò mới); do vậy, làm chậm tiến độ khai thông mở vỉa nên đến cuối 2018 vẫn chưa đưa được thân quặng này vào khai thác; khối lượng quặng nguyên khai thu hồi từ khu vực này là khối lượng quặng nguyên khai tận thu lại ở các lò dân cũ để lại.

Qua thực tế triển khai khai thác quặng nguyên khai từ 2014 đến nay cho thấy sai số của báo trữ lượng là rất lớn (độ tin cậy rất thấp), địa chất biến động rất mạnh; Do vậy, công tác lập kế hoạch kỹ thuật, biện pháp thi công được xây dựng dựa trên tài liệu địa chất gần như chỉ mang tính định hướng và không thể áp dụng được vào thực tế sản xuất; trong quá trình sản xuất luôn phải điều chỉnh tương ứng theo thực tế địa chất và phù hợp với điều kiện sản xuất cũng gây khó khăn rất lớn cho quản trị điều hành.

Khó khăn về tài chính

Việc dừng hoạt động khai thác do chưa gia hạn được giấy phép khai thác khoáng sản số 2915/GP-BTNMT ngày 19/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường khiến tình hình tài chính công ty gặp khó khăn khi mà không có nguồn thu nhưng chúng tôi vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính để chi trả các khoản nợ của nhà đầu tư cũ để lại đặc biệt là tiền lương và BHXH cho nhân viên. Bên cạnh đó, trong năm 2019 nhà đầu tư chúng tôi đã phải hoàn thành việc nộp thuế vào ngân sách nhà nước số tiền là 6.829.735.753đ tính đến ngày 31/10/2019. Các chi phí: chi phí khấu hao, chi phí trước hoạt động, chi phí lãi vay,... chiếm tỷ trọng lớn dẫn đến kết quả lợi nhuận không đạt được như mong muốn, và làm cho tình hình tài chính của công ty gặp nhiều khó khăn.

Khó khăn trong công tác bảo vệ tài nguyên

Thời gian vừa qua, lợi dụng lực lượng bảo vệ của Công ty còn hạn chế, diện tích rộng lớn, địa bàn đi lại khó khăn, các đối tượng khai thác trái phép ngày càng hoạt động mạnh mẽ với diễn biến vô cùng phức tạp.

Ngoài khai thác khoáng sản trái phép, các đối tượng còn mua bán, tàng trữ và sử dụng ma túy cũng như hoá chất cấm và hoạt động theo ổ nhóm, có tính tổ chức. Các thành phần tham gia khai thác trái phép rất phức tạp, chủ yếu là người Thái Nguyên, Yên Bái,...và rất đông người dân địa phương. Việc khai thác trái phép diễn ra liên tục với số lượng, quy mô ngày càng tăng, các đối tượng vàng tặc ngày càng lý lợm, hung hãn, manh động, chống đối quyết liệt lực lượng bảo vệ Công ty trong công tác bảo vệ mỏ và khi Công ty tiến hành truy quét, truy đuổi (đặc biệt là khu vực Pú Mẹo). Tình hình khai thác diễn ra trong thời gian dài, gây mất trật tự, an ninh tạo ra các tệ nạn xã hội rất nghiêm trọng. Đồng thời, tàn phá môi trường nặng nề, gây thất thoát tài nguyên thiên nhiên của Quốc gia, làm ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của cán bộ nhân viên, cũng như hình ảnh của Công ty.

Khó khăn về môi trường xã hội:

Công ty đóng ở vùng xa, đường xá đi lại khó khăn, giá cả các loại nhu yếu phẩm phục vụ đời sống đắt đỏ, tình hình an ninh trật tự phức tạp, tệ nạn xã hội nhiều (các đối tượng nghiện ma túy nhiều), trình độ dân trí chưa cao, nhận thức của người dân còn hạn chế, thích làm việc tự do, gây khó khăn trong công tác tuyển dụng, thu hút lao động đặc biệt là lao động có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, tay nghề trong công tác khai mỏ hầm lò. Do vậy, toàn bộ khâu khai thác quặng nguyên khai phải thuê ngoài, không chủ động được sản xuất và gây khó khăn, tăng chi phí cho công tác bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Khó khăn về môi trường chính sách:

Chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực khai thác khoáng sản (an toàn môi trường, thuế, phí,...) không ổn định, có xu hướng ngày càng thắt chặt và tăng cao. Do vậy, các loại thuế tài nguyên, phí môi trường đối với khai thác quặng vàng được duy trì ở mức rất cao.

Khó khăn về gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất:

Trong năm 2019, do đã hết hạn Giấy phép đầu tư và thời hạn thuê đất, đến thời điểm hiện nay Công ty vẫn đang thực hiện thủ tục để xin gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản số 2915/GP-BTNMT ngày 19/12/2016.

1.2 Thuận lợi:

Công ty luôn nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ, hỗ trợ của các cấp chính quyền địa phương, của các cổ đông,...

Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ, chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT, của Ban kiểm soát Công ty.

Toàn thể cán bộ CBCNV, LĐ trong Công ty đoàn kết, gắn bó, có ý chí quyết tâm vượt khó, làm việc tích cực, sáng tạo và có tinh thần trách nhiệm cao hơn trong thực thi nhiệm vụ.

1.3 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng số 13: Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2019

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %
I	Chỉ tiêu sản xuất				
1	Chỉ tiêu sản xuất				
	Khai thác quặng	Tấn	19.000	747.6	0.0039 %
	- Hàm lượng vàng	gam/tấn	7.23	7.3	100%
	- Quy ra kim loại vàng	kg	137.4	5.46	3.9%
2	Quặng vào tuyển				
	QNK vào tuyển	Tấn	19.000	747.6	0.0039 %
	- Hàm lượng vàng	gam/tấn	7.23	7.3	100%
	- Quy ra kim loại vàng		137.4	5.46	3.9%
3	Sản phẩm tinh quặng				
	Tinh quặng vàng	tấn	210.8	8.3	3.9%
	- Hàm lượng vàng	gam/tấn	615	6	1%
	- Quy ra Kim loại	kg	130	0.05	0.04%
4	Sản phẩm tiêu thụ				
	Tinh quặng vàng	tấn	214	8.3	3.88%
	- Hàm lượng vàng	gam/tấn	615	6	1%
	- Quy ra Kim loại	kg	132	0.05	0.04%
II	Chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng doanh thu	Trđ	106.250	11.374	10.70%
2	Lợi nhuận	Trđ	23.574	-15.615	-66.24%
3	Nộp ngân sách	Trđ	33.243	3.687	11.09%
4	Lao động BQ sử dụng	người	56	30	53.57%
5	Quỹ lương	Tỷđ	6.252	2.003	32.04%
6	Tiền lương bình quân	tr/ng/t	9.7	6.0	61.86%

Bước vào thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2019 tuy gặp rất nhiều khó khăn vì các giấy phép khai thác khoáng sản đã hết hạn, công ty đang tập trung thực hiện những thủ tục cần thiết để gia hạn các giấy phép ổn định tình hình sản xuất. Trong năm 2019. Công ty chủ yếu tập trung bảo vệ tài nguyên. Ranh giới mỏ Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn do lực lượng bảo vệ mỏng mặc dù đã được công ty tăng cường hỗ trợ, tăng cường thêm nhưng do địa bàn trải rộng, bên cạnh đó tình hình an ninh trật tự diễn biến phức tạp, hiện tượng đào lò khai thác quặng trái phép diễn ra liên tục với số lượng, quy mô ngày càng tăng, các đối tượng vàng tặc ngày càng lý lợm, hung hãn, manh động, chống đối quyết liệt lực lượng bảo vệ Công ty trong công tác bảo vệ mỏ và khi Công ty tiến hành truy quét, truy đuổi (đặc biệt là khu vực Pú Mẹo, khe Nà Khà).

- Về công tác AT-BHLĐ, bảo vệ môi trường: Công ty luôn tăng cường công tác quản lý từ Công ty đến các Phân xưởng, tổ đội sản xuất thể hiện ở các mặt:

+ Trên cơ sở các quy định của pháp luật về An toàn và bảo hộ lao động triển khai các quy định sát với điều kiện thực tế của Công ty và chỉ đạo các Phòng ban, phân xưởng, tổ đội thực hiện nghiêm túc.

+ Cải tiến công nghệ, biên soạn bổ sung các quy trình an toàn, quy trình vận hành thiết bị ngắn gọn, dễ hiểu, hướng dẫn người lao động thực hiện tốt.

+ Lắp đặt đầy đủ biển cảnh báo an toàn, tiêu lệnh PCCC, công cụ, trang bị PCCC theo đúng quy định.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện để người lao động tự giác chấp hành các quy định, chống hiện tượng làm bừa, làm ẩu, làm tắt quy trình dẫn đến gây TNLĐ.

+ Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất, kiểm tra định kỳ, kiểm tra chuyên đề để giám sát, xử lý kịp thời và nghiêm minh những trường hợp vi phạm các quy định về An toàn và bảo hộ lao động.

+ Trong điều kiện khó khăn về tài chính thì công tác BVMT sẽ chủ yếu ưu tiên thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, xử lý chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, làm đê chắn các bãi thải và trồng cây xanh;...

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Bảng số 14: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019

TÀI SẢN	Năm 2018 (Đồng)	Năm 2019 (Đồng)	Thay đổi 2019 so với 2018 (%)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	21.219.092.381	1.394.031.326	7%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.749.409.957	25.228.364	1%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	12.969.909.318	372.578.084	3%
IV. Hàng tồn kho	3.499.773.106	955.617.506	27%
V. Tài sản ngắn hạn khác			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	76.114.881.253	60.897.026.705	80%
I. Các khoản phải thu dài hạn	5.120.537.000	5.120.537.000	100%
II. Tài sản cố định	69.909.839.708	55.691.035.160	80%
1. TSCĐ hữu hình	68.934.393.708	55.691.035.160	81%
2. TSCĐ thuê tài chính			0%
3. TSCĐ vô hình	975.446.000	0	0%
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	85.454.545	85.454.545	100%
V. Đầu tư tài chính dài hạn			
VI. Tài sản dài hạn khác	999.050.000		0%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	97.333.973.634	62.291.058.031	64%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 của Công ty Cổ phần vàng Lào Cai)

b) Tình hình nợ phải trả:

Bảng số 15: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2018 - 2019

NỢ PHẢI TRẢ	Năm 2018 (Đồng)	Năm 2019 (Đồng)	Thay đổi 2018 so với 2019 (%)
A. NỢ PHẢI TRẢ			
	30.104.317.902	10.676.692.483	35%
I. Nợ ngắn hạn	30.104.317.902	10.676.692.483	35%

1. Phải trả người bán ngắn hạn	7.708.665.553	1.170.625.826	15%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn			0%
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	9.351.198.592	125.749.268	1%
4. Phải trả người lao động	2.594.231.419	1.488.558.593	57%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	10.263.903.478	418.413.600	4%
6. Phải trả ngắn hạn khác	186.318.860	7.473.345.186	4011%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			0%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
II. Nợ dài hạn			
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn			

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2019, Công ty chúng tôi đơn vị tiếp quản mới của Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai đã thực hiện việc tiếp nhận bàn giao toàn bộ hồ sơ tài liệu và các nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý với các bên liên quan. Thất chặt việc quản lý, bảo vệ tài nguyên quốc gia trong quá trình chờ xin gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Để có thể sớm hoàn thành được việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản để dần đi vào ổn định sản xuất, nhà đầu tư mới chúng tôi đã thực hiện những thủ tục cần thiết theo đúng quy trình hướng dẫn của các cơ quan ban ngành, tuy nhiên vì những nguyên nhân khách quan và chủ quan mà việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty chúng tôi vẫn chưa hoàn thành. Một lần nữa, kính mong các cơ quan ban ngành có liên quan xem xét tạo điều kiện đồng ý về chủ trương gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản và chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn công ty chúng tôi hoàn thành việc gia hạn giấy phép khai thác đối với dự án Khai thác, tuyển và luyện quặng vàng gốc mỏ vàng Minh Lương của CT Vàng Lào Cai.

Với mong muốn ổn định tình hình sản xuất kinh doanh, Công ty không ngừng nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp về yếu tố con người để giảm tối đa chi phí, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh doanh.

Công ty tiếp tục làm tốt công tác bảo vệ môi trường, phát triển tài nguyên khoáng sản, nâng cao trình độ CBCNV đáp ứng được nhu cầu phát triển của sản xuất.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty Cổ phần vàng Lào Cai đã làm tốt công tác môi trường, tiết kiệm tiêu thụ nước, năng lượng. Hồ thải của Công ty được thiết kế và thi công đúng theo quy phạm an toàn. Công ty đã tổ chức niêm yết kế hoạch quản lý môi trường tại khu vực hoạt động khai thác khoáng sản. Mỗi năm công ty đều ký hợp đồng với trung tâm môi trường và khoáng sản để thực hiện việc giám sát môi trường xung quanh và lập Báo cáo kết quả giám sát môi trường định kỳ theo quy định.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trong năm 2019, mặc dù Công ty duy trì được công việc, thu nhập ổn định cho toàn thể CBCNV Công ty, làm tốt các chính sách chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe cho người lao động. Nhưng từ khi TKV thoái toàn bộ vốn tại CT Vàng Lào Cai, người lao động đã đồng loạt làm đơn xin nghỉ việc khiến cho việc tái cơ cấu bộ máy hoạt động của Công ty gặp nhiều khó khăn.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương, tham gia tích cực vào các phong trào xây dựng địa phương nơi Công ty kinh doanh, sản xuất.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2019

Trong năm 2019, với chức trách nhiệm vụ được giao, đồng thời với nhận thức là một năm tiếp tục rất khó khăn đối với Công ty cổ phần vàng Lào Cai, nên HĐQT đã luôn luôn quan tâm kiểm tra, chỉ đạo, đôn đốc, yêu cầu Ban quản lý Công ty thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và tích cực gia hạn giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép khai thác khoáng sản. HĐQT đã kịp thời ban hành các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Các phiên họp của HĐQT đều được Chủ tịch HĐQT triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, có sự tham gia của Ban kiểm soát, của các đơn vị, phòng ban trong Công ty để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin.

Ngoài các cuộc họp trực tiếp, để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị Công ty, Chủ tịch HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, lấy ý kiến các thành viên HĐQT thông qua các thư điện tử, điện thoại để chỉ đạo kịp thời việc thực hiện nhiệm vụ SXKD cũng như các hoạt động khác của Công ty.

Trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ. HĐQT luôn nghiêm túc thực hiện các quy định của Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các quy chế nội bộ; đồng thời thường xuyên bám sát thực tế sản xuất, mục tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra để đưa ra những quyết sách phù hợp.

Thường xuyên duy trì mối quan hệ, phối hợp chặt chẽ, trao đổi các ý kiến trong công việc với các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2019 Ban quản lý điều hành:

- Điều hành các hoạt động của Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Xây dựng, duy trì, phát triển tốt mối quan hệ với địa phương trong công tác phối hợp bảo vệ an ninh trật tự cho sản xuất, bảo vệ an toàn tài nguyên trong ranh giới mỏ; đồng thời cũng có nhiều giải pháp quản lý chặt chẽ, quyết liệt đảm bảo an toàn không để thất thoát nguồn tài nguyên quốc gia.

Tóm lại: Bước vào thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2019 tuy gặp rất nhiều khó khăn, thử thách nhưng với tinh thần quyết tâm, quyết liệt, sáng tạo trong chỉ đạo, quản lý, điều hành; khai thác triệt để những yếu tố thuận lợi, hạn chế tối đa những khó khăn và ảnh hưởng của các yếu tố bất lợi; xây dựng, động viên, khích lệ và phát huy tốt tinh thần đoàn kết, gắn bó, ý chí quyết tâm vượt qua khó khăn thử thách của tập thể CBCNV, LĐ trong toàn Cty. HĐQT, Ban quản lý điều hành đã hoàn thành chức năng nhiệm vụ được giao, quản trị, điều hành hoạt động của Công ty cơ bản hoàn thành các mục tiêu Hội đồng cổ đông giao; hoàn thành được nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Mục tiêu

Hoàn thành việc đánh giá trữ lượng tài nguyên, tiếp tục làm các thủ tục gia hạn giấy phép khai thác chuẩn bị cho những năm tiếp theo (Giấy phép gia hạn hết vào ngày 26/4/2019); Tiếp tục thuê đơn vị khai thác có đủ năng lực, điều kiện thực hiện công tác khai thác, phối hợp chặt chẽ trong công tác bảo vệ ANTT; tổ chức bộ máy sản xuất tinh gọn, tiết giảm chi phí; Phát huy thể mạnh của từng cá nhân, tập thể, tranh thủ sự hỗ trợ các cổ đông, cơ quan Nhà nước duy trì sản xuất ổn định, an toàn.

3.2. Các giải pháp cần triển khai thực hiện:

Một là: Bám sát các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tình hình thực tế để chỉ đạo, điều hành Công ty thực hiện KHSXKD năm 2020 với mục tiêu Ổn định - An toàn - Hiệu quả. Trong đó tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác đánh giá thăm dò tài nguyên mỏ, gia hạn giấy phép khai thác; Duy trì hợp lý bộ máy quản lý để linh hoạt trong hoạt động; điều hành có hiệu quả công tác thuê khoán khai thác, thực hiện mục tiêu: nâng cao sản lượng, chất lượng, an toàn, quản lý tốt sản phẩm sau khai thác.

Hai là: Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, nhằm thông qua và quyết định giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến công tác SXKD của Công ty.

Ba là: Chỉ đạo rà soát, bổ sung, điều chỉnh các Nội qui, qui chế quản lý nội bộ cũng như các quy trình, qui phạm, định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ sản xuất, nhằm đảm bảo tính pháp lý, linh hoạt, hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bảng số 16: Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Đoàn Thị Yến Châu	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Hoàng Thị Quế	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
3	Ông Trần Đình Dũng	Thành viên HĐQT

Sơ yếu lý lịch của TV HĐQT:

- Họ và tên** : **ĐOÀN THỊ YẾN CHÂU**
- Số CMND/CCCD : 054183000106; Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và QL DLQG về dân cư; Ngày cấp: 25/12/2017
 - Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 04/7/1983
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Địa chỉ thường trú : 151 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
 - Địa chỉ hiện tại : 151 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân
 - Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT tại Công ty
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Tổng giám đốc – Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình
 - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

- Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/2006 – 4/2008	Công ty IDC – 171. Võ Thị Sáu, F7, Q3, TP.HCM	Nhân viên
5/2008 – 9/2009	Báo VietNam Economic News	Nhân viên
9/2009 – 07/2011	Thời báo Kinh tế Việt Nam	Nhân viên
07/2011-10/2012	Công ty TNHH Năng Lượng Nguyên Minh	Thành viên HĐQT
10/2012 – nay	Công ty Cổ Phần tư vấn Đầu tư Xây Dựng Ba Đình	Tổng Giám Đốc

- Họ và tên** : **Hoàng Thị Quế**
- Số CMND : 001184000364, cấp ngày 03/5/2017, Cơ quan cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 - Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 18/11/1984
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Địa chỉ thường trú : 52 Nghi Tàm, Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội
 - Địa chỉ hiện tại : 52 Nghi Tàm, Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội
 - Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ tiếng trung – ĐHQG Hà Nội
 - Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trợ lý Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình
 - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi : Không

ích Công ty

- Các khoản nợ đối với Công : Không

ty

- Lợi ích liên quan đối với : Không

Công ty

- Quá trình Công tác:

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2017 đến nay	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình (Địa chỉ: 455 Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội)	Trợ lý Tổng giám đốc
Từ 3/2019 đến nay	Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai (Địa chỉ: Bản 3, thôn Minh Hạ, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai)	Giám đốc

Họ và tên : **Trần Đình Dũng**

- Số CMND : 036082000096 ngày cấp: 20/01/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 24/10/1982

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : Phòng 2008 tòa nhà Rainbow, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

- Địa chỉ hiện tại : Phòng 2008 tòa nhà Rainbow, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

- Chức vụ công tác hiện : Thành viên HĐQT

nay tại Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ : Trưởng phòng tư vấn TCDN và BLPH – Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị luôn đảm bảo tính tập trung, thống nhất, liên tục và kế thừa. Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình được quy định trong Điều lệ Công ty để quản lý và điều hành Công ty.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách các công việc phù hợp với tình hình thực tế ở mỗi giai đoạn. Các thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động theo nhiệm vụ được phân công, thực hiện tốt các quy định của Điều lệ Công ty trong việc giám sát và chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Về cơ bản, các thành viên HĐQT đều hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

HĐQT đã duy trì các cuộc họp thường kỳ và đột xuất để giải quyết kịp thời các công việc phát sinh. Nội dung và trình tự các phiên họp đều được thực hiện nghiêm túc, theo đúng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

c) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Bảng số 17: Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chứng chỉ
1	Bà Đoàn Thị Yến Châu	Chủ tịch HĐQT	Cử nhân kinh tế
2	Bà Hoàng Thị Quế	Thành viên HĐQT	Thạc sỹ tiếng trung
3	Ông Trần Đình Dũng	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Bảng số 18: Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Đặng Hải Anh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Phạm Thị Hải An	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Phạm Thị Oanh	Thành viên Ban kiểm soát

Lý lịch của thành viên Ban Kiểm soát:

*) Bà Đặng Hải Anh – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: ĐẶNG HẢI ANH
- Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 11/10/1975
- CMND số: 01011907337
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: 101 Trung Liệt, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: 101 Trung Liệt, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình.

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
 - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có

*) Bà Phạm Thị Hải An – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **PHẠM THỊ HẢI AN** ;
- Ngày, tháng, năm sinh: 16/11/1983;
- Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: VN

- Nơi sinh: Nghệ An
- CMND số: 186062001
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số nhà 1208, tòa nhà Rice City Sông Hồng, phố Gia Quất, phường Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Số nhà 1208, tòa nhà Rice City Sông Hồng, phố Gia Quất, phường Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng nhóm tư vấn TCDN và BLPH – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
 - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có

***) Bà Phạm Thị Oanh – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: **PHẠM THỊ OANH**
- Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 05/9/1993
- CMND Số: 035193002041
- Nơi sinh: Hà Nam
- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Mậu Lương, Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Mậu Lương, Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân
- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên – Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình.
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
 - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
 - + Tổ chức có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Không có

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản lý Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thể hiện ở các lĩnh vực sau:

- Giám sát trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019.

Giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, thể hiện trên các nội dung sau:

- Ban giám đốc công ty đã tổ chức triển khai điều hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ công ty và tuân thủ đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:

Bảng số 19: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc.

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao (HĐQT, BKS, BGĐ)	Tổng thu nhập
1	Đoàn Thị Yến Châu	Chủ tịch HĐQT		100.000.000	

2	Hoàng Thị Quế	Thành viên HDQT, Giám đốc Công ty		50.000.000	
3	Đặng Hải Anh	Trưởng BKS		45.000.000	
4	Phạm thị Oanh	Thành viên BKS		30.000.000	
5	Nguyễn Thị Huyền	Thư ký HDQT		30.000.000	
6	Trần Đình Dũng	Thành viên BKS		50.000.000	
7	Phạm Thị hải An	Thành viên BKS		30.000.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không có phát sinh.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần vàng Lào Cai tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 31 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tính đến thời điểm 31/12/2019: lỗ lũy kế của Công ty là 53.385.634.452 đồng, tại ngày này nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 9.282.661. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty tin rằng các chủ sở hữu và các bên liên quan sẽ tiếp tục hỗ trợ Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 vẫn được lập trên cơ sở giải định hoạt động liên tục.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

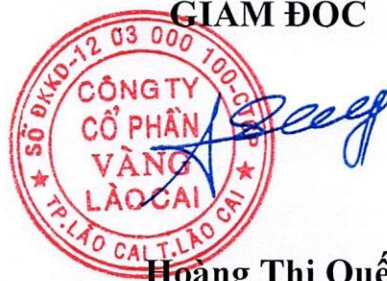
Nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 được đăng tải trên Website của Công ty tại đường link: <http://vanglaocai.com.vn>

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Cổ đông;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Quế

